| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK**<br>Bản án số: 159/2020/DSPT<br>Ngày 14 – 9 – 2020<br>*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bằng

*Các Thẩm phán:* Bà Lưu Thị Thu Hường, bà Lê Thị Thanh Huyền

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà:*** Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2020/TLPT-DS ngày 26/8/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 13/7/2020 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 190/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Cao Thị P, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn LH, xã C, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**2. Bị đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn BM, xã C, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Đinh Thị H1, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn BM, xã C, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3.2. Ông Phan Xuân H2; địa chỉ: Thôn LH, xã C, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Anh Phan Duy Hăng R, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn LH, xã C, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

**** Người kháng cáo:*** Nguyên đơn bà Cao Thị P và bị đơn Lê Thị H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Cao Thị P trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên bà P có hai lần cho bà Lê Thị H vay tiền cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Ngày 11/6/2014 (âm lịch), bà P cho bà H vay số tiền 105.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận miệng 1,5%/tháng; thời gian trả nợ là ngày 19/6/2014 âm lịch. Hai bên có lập giấy vay tiền cùng ngày 11/6/2014 để ghi nhận việc thỏa thuận nêu trên. Giấy vay tiền do con trai bà P là anh Phan Duy Hăng R viết nhưng anh R không ký tên. Nội dung giấy vay tiền thể hiện: Người vay là bà Đinh Thị H1 và bà Lê Thị H vay bà P số tiền 105.000.000 đồng, trong đó: Bà Đinh Thị H1 vay 80.000.000 đồng, bà Lê Thị H vay 25.000.000 đồng. Mặc dù, nội dung giấy vay tiền như vậy nhưng thực tế bà H là người nhận số tiền 105.000.000 đồng. Bà H1 không có mặt, không nhận tiền và không ký vào giấy vay tiền, chỉ có một mình bà H nhận toàn bộ số tiền 105.000.000 đồng, còn bà H sau khi nhận tiền có đưa cho bà H1 mượn lại hay cho ai khác mượn thì bà P không biết, không chứng kiến. Do đó, bà P chỉ yêu cầu một mình bà H phải trả số tiền nợ gốc 105.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Về việc sửa chữa nội dung ngày tháng năm ghi trong giấy vay nêu trên là do anh R viết không đúng ngày tháng năm nên bà P đã sửa lại vì khi viết anh R tưởng là bà P cho vay thời hạn 01 năm nên ghi là ngày 19/04/2015 nhưng thực tế do bà P chỉ cho bà H vay nóng số tiền trong 01 tuần lễ nên mới sửa lại 2014 thành 2015 cho đúng, còn các con số khác là tô đậm lại cho rõ hơn do viết mờ, viết chữ số nhỏ nhìn không rõ.

- *Lần thứ hai:* Bà P cho bà H vay số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 01/6/2015 có viết "Giấy vay tiền", thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 20/6/2015 âm lịch trả cả gốc và lãi suất, trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất nhưng giữa bà P và bà H có thỏa thuận miệng về lãi suất là 1,5%/tháng, bà H có ký tên và viết rõ họ tên ở chỗ người vay tiền trong giấy vay tiền ngày 01/6/2015. Từ ngày vay cho đến nay bà H chưa trả cho bà P bất cứ khoản tiền nào, nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho bà P số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền này.

Như vậy, tổng cộng bà H còn nợ bà P 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Vì vậy, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả cho bà P 130.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi phát sinh đối với tổng số tiền nợ gốc này.

*2. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Lê Thị H trình bày:*

Đối với số tiền 25.000.000 đồng: Bà H xác định ngày 01/6/2015 có vay bà Cao Thị P 25.000.000 đồng, hai bên có viết "Giấy vay tiền", thỏa thuận thời hạn

trả nợ là ngày 20/6/2015 âm lịch, trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất, bà H có ký tên và viết rõ họ tên tại mục người vay tiền và bà Cao Thị P cũng ký và viết tên tại mục người cho vay. Bà H cho rằng, thực tế thì bà H phải trả cho bà P lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, kể từ ngày vay cho đến nay bà H đã trả cho bà P được 10.000.000 đồng tiền lãi và bà H vẫn còn nợ bà P 25.000.000 đồng tiền gốc. Việc trả tiền lãi cho khoản vay này không lập thành văn bản, không có chứng cứ gì chứng minh, chỉ có bà Đinh Thị H1 chứng kiến. Bà H đồng ý là còn nợ bà P số tiền gốc 25.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được cho bà P.

Đối với số tiền 105.000.000 đồng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà P cho rằng bà H đã vay vào ngày 11/6/2014 với lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng và thời gian trả nợ là ngày 19/6/2014 âm lịch là không đúng sự thật vì:

- Về nội dung theo giấy vay tiền thể hiện bà Đinh Thị H1 và bà Lê Thị H vay tiền bà Cao Thị P số tiền 105.000.000 đồng trong đó bà Đinh Thị H1 vay số tiền 80.000.000 đồng còn bà H vay số tiền 25.000.000 đồng từ ngày 11/6/2014 âm lịch như trong đơn khởi kiện và lời trình bày của bà P là không đúng vì bà H không vay số tiền 105.000.000 đồng nên không có việc nhận tiền vay từ bà P. Bà H1 cũng không nhờ bà H vay giúp số tiền 80.000.000 đồng như nội dung ghi trong giấy vay.

- Bà H hoàn toàn không biết gì về khoản tiền này cũng như giấy vay cho đến khi Tòa án mời làm việc và được tiếp cận giấy vay thể hiện số tiền này. Bà H cũng không biết ai đã viết giấy vay, không ký hay viết họ và tên của mình ở mục người vay như bà P trình bày mà chữ viết họ và tên của bà H là giả mạo. Ngoài ra trong giấy vay thể hiện nội dung liên quan đến số tiền 105.000.000 đồng có tẩy xóa, sửa chữa ngày tháng năm cho vay, ngày hẹn trả nợ là không rõ ràng, bà H hoàn toàn không biết nên không thừa nhận đã vay của bà P khoản tiền như thể hiện tại giấy vay nêu trên. Nên bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà P về việc yêu cầu bà H phải trả số tiền 105.000.000 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà H đã được Thẩm phán giải thích quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bà H không có yêu cầu phản tố hay có yêu cầu gì khác.

*3. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H1 trình bày:*

Bà H1 hoàn toàn không biết gì về các khoản nợ như bà P khởi kiện đối với bà Lê Thị H. Bà H1 không vay tiền và cũng không nhờ bà H vay tiền bà P nên bà H1 khẳng định bà H1 không biết, không liên quan gì đến vụ án này. Bà H1 yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*4. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên*

*quan ông Phan Xuân H2 trình bày:*

Ông H2 là chồng bà Cao Thị P, là bố ruột của anh Phan Duy Hăng R. Ông H2 có quen biết với bà Lê Thị H và bà Đinh Thị H1 vì bà H1 và bà H có đến nhà ông H2 chơi, khi có mối quan hệ quen biết thì bà H có đến nhà ông H2 vay tiền, ông H2 nhất trí với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện cảu bà Cao Thị P. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

*5. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Duy Hăng R trình bày:*

Anh R là con trai của bà Cao Thị P và ông Phan Xuân H2, anh R có quen biết bà Lê Thị H.

Anh Phan Duy Hăng R khẳng định nội dung trong giấy vay tiền không đề ngày tháng năm có nội dung bà P cho bà Lê Thị H vay tổng số tiền 105.000.000 đồng vào ngày 11/6/2014 âm lịch và thời gian trả nợ là ngày 19/6/2014 âm lịch. Trong đó bà Đinh Thị H1 mượn 80.000.000 đồng, bà Lê Thị H mượn 25.000.000 đồng là anh R tự tay viết, anh R chứng kiến bà H là người viết họ và tên Lê Thị H vào chỗ người vay nhưng bà H không ký. Khi đó bà H1 không có mặt, không ký vào giấy vay tiền, anh R không chứng kiến việc giao tiền, giấy vay tiền này viết tại nhà anh R. Ngoài anh R, bà P và bà H ra thì không còn ai khác chứng kiến hay tham gia. Mặc dù giấy vay do anh R viết nhưng anh R không ký tên vì khi viết xong thì anh R đi chỗ khác và do đây là việc giữa mẹ anh và bà H nên anh R không quan tâm.

Đối với các con số ngày tháng năm trong giấy vay tiền bị sửa chữa thì anh R không biết. Anh R không chứng kiến, không biết lý do bà P sửa chữa vì khi bà P sửa chữa anh R không có mặt.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DSST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 255, Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị P:

- Buộc bị đơn bà Lê Thị H phải trả cho bà Cao Thị P tổng số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị P đối với số tiền 80.000.000 đồng.

- Về lãi suất: Do nguyên đơn bà Cao Thị P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

* Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Buộc bị đơn bà Lê Thị H phải hoàn trả cho bà Cao Thị P tổng số tiền 10.080.000 đồng (Mười triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

* Về án phí: Buộc bị đơn bà Lê Thị H phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Buộc nguyên đơn bà Cao Thị P phải chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0014329 ngày 16/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, bà Cao Thị P còn phải chịu 750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 27/7/2020, nguyên đơn bà Cao Thị P kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn bà Lê Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

*Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Xét thấy, Bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị P để buộc bị đơn bà Lê Thị H phải trả cho bà P tổng số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bà P là người cao tuổi nên theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBNVQH thì bà P thuộc trường hợp được miễn án phí. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn – Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H.

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa:*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức và quan hệ tranh chấp:

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền 130.000.000 đồng. Gồm hai khoản vay: Khoản vay thứ nhất vay ngày 01/6/2015 hẹn trả vào ngày 20/6/2015 âm lịch (tức ngày 04/8/2015 dương lịch). Và khoản vay thứ hai là 105.000.000 đồng hẹn trả vào ngày 19/4/2015 (tức ngày 05/6/2015 dương lịch). Căn cứ quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là 03 năm kể từ ngày 05/6/2015 đối với khoản vay 105.000.000 đồng và kể từ ngày 04/8/2015 đối với khoản vay 25.000.000 đồng. Đến ngày 16/9/2019, bà P mới khởi kiện bà H là hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thời hiệu để xác định quan hệ tranh chấp "Kiện đòi tài sản" là trái với quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật dân sự năm 2015 mà cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét khoản vay 25.000.000 đồng vay ngày 01/6/2015:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, kết luận giám định số 108/PC09 ngày 12/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk và các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ xác định được: Ngày 01/6/2015, bà Lê Thị H vay bà Cao Thị P số tiền 25.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/6/2015 (âm lịch) trả. Bà H cũng thừa nhận khoản vay này. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[2.2] Xét khoản vay 105.000.000 đồng, thì thấy:

Căn cứ vào Kết luận giám định số 108/PC09 ngày 12/10/2019, Kết luận giám định số 144/PC09 ngày 06/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk; Giấy vay tiền không đề ngày tháng năm, thể hiện số tiền cho vay là 105.000.000 đồng xác định được:

Trong giấy vay tiền không đề ngày tháng năm nêu trên có nội dung bà Đinh Thị H1 và bà Lê Thị H vay tiền bà Cao Thị P với số tiền là 105.000.000 đồng, trong đó bà Đinh Thị H1 vay 80.000.000 đồng, bà H vay 25.000.000 đồng từ ngày 11/6/2014 âm lịch. Căn cứ các Kết luận giám định số 108/PC09 ngày 12/10/2019 và số 144/PC09 ngày 06/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã đủ cơ sở xác định bà Lê Thị H đã viết họ và tên của mình là Lê Thị

H trong giấy vay này, chữ viết nội dung là do anh R viết nên đủ căn cứ xác định việc xác lập giao dịch vay tiền có thật.

Tuy nhiên, xét về nội dung giao dịch thể hiện trong giấy vay thấy rằng phần tiền bà H vay là 25.000.000 đồng, mặc dù bà H cho rằng không vay tiền, không được nhận bất cứ khoản tiền nào từ bà P nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải trả 25.000.000 đồng đã vay cho bà P là có căn cứ.

Đối với số tiền 80.000.000 đồng: Mặc dù, trong giấy vay nêu trên thể hiện bà H1 vay 80.000.000 đồng của bà P nhưng không có chữ ký, chữ viết tên của bà H1. Bà P cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc bà H nhận số tiền 80.000.000 đồng này thay bà H1, đồng thời bà H1 và bà H cũng không thừa nhận khoản vay này. Ngoài ra bà P, anh R cũng thừa nhận khi lập giấy vay không có mặt bà H1 nên việc bà P cho rằng khi đến vay thì bà H có nói là vay giúp cho bà H1 80.000.000 đồng nên giấy vay đã ghi theo lời của H là không có cơ sở. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc buộc bà H phải trả số tiền 80.000.000 đồng này là phù hợp.

Đối với phần nội dung sửa chữa ngày, tháng, năm trong giấy vay: Theo Kết luận giám định số: 144/PC09 ngày 06/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Các chữ số tại dòng viết thứ 16, 17 tính từ trên xuống ở trang 1 trong tài liệu cần giám định ký hiệu A2, là bị sửa chữa. Dãy số nguyên thủy tại dòng viết thứ 16 là "14-02-2015", dãy số nguyên thủy tại dòng viết thư 17 là "19-4-2015". Dãy số sửa mới tại dòng viết thứ 16 là "11-6-2014", dãy số sửa mới tại dòng viết thứ 17 là "19-6-2014". Hội đồng xét xử thấy rằng việc sửa chữa ngày, tháng, năm nêu trên là sơ sở để xác định thời gian cho vay nhưng không ảnh hưởng đến việc xác định bà H có vay tiền bà P nên việc bà H cho rằng việc sửa chữa này thể hiện giấy vay tiền là giả mạo là không có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị P đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì thấy:

Tại mục [2] phần Nhận định của Tòa án, Hội đồng xét xử đã nhận định việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền 50.000.000 đồng. Trong đó: 25.000.000 đồng vay ngày 01/6/2015 và 25.000.000 đồng (theo giấy vay tiền không ghi thời gian vay của khoản vay 105.000.000 đồng). Đồng thời, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 80.000.000 đồng (theo giấy vay tiền không ghi thời gian vay của khoản vay 105.000.000 đồng) là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn bà Cao Thị P có đơn xin miễn án phí, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà P sinh ngày 16/8/1959, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 13/7/2020) bà P đã hơn 60 tuổi. Do đó, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội cần miễn án phí cho bà Cao Thị P.

Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị P để sửa Bản án sơ thẩm về phần án phí.

[4] Xét kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của bị đơn bà Lê Thị H, Hội đồng nhận định như sau:

Về các khoản vay: Tại mục [2] phần Nhận định của Tòa án, Hội đồng xét xử đã nhận định việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền 50.000.000 đồng. Trong đó: 25.000.000 đồng vay ngày 01/6/2015 và 25.000.000 đồng (theo giấy vay tiền không ghi thời gian vay của khoản vay 105.000.000 đồng). Và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 80.000.000 đồng (theo giấy vay tiền không ghi thời gian vay của khoản vay 105.000.000 đồng) là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Về chi phí giám định: Mặc dù quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận đối với khoản vay 25.000.000 đồng vay ngày 01/6/2015 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thực hiện việc giám định chữ ký đối với giấy vay này. Tuy nhiên, việc giám định này không ảnh hưởng đến số tiền chi phí giám định vì mặc dù giám định đối với 02 giấy vay tiền nhưng chỉ có 01 đối tượng giám định là chữ ký và chữ viết của Lê Thị H. Đối với giấy vay 105.000.000 đồng thực hiện giám định hai lần và việc yêu cầu giám định của nguyên đơn đối với các lần giám định này đều có căn cứ nên bị đơn phải chịu chi phí giám định này là phù hợp. Do đó, kháng cáo của bị đơn về chi phí giám định là không có căn cứ chấp nhận.

Về quan hệ tranh chấp: Tại mục [1] của phần Nhận định của Tòa án, Hội đồng xét xử đã nhận định việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Kiện đòi tài sản" là chưa chính xác mà cần xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" mới phù hợp.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H đề nghị sửa Bản án sơ thẩm về quan hệ tranh chấp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên nguyên đơn bà Cao Thị P và bị đơn bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị P và bị đơn bà Lê Thị H – Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DSST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk về phần quan hệ tranh chấp và án phí.

**[1]** Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 255, Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**[2] Tuyên xử:**

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị P: Buộc bị đơn bà Lê Thị H phải trả cho bà Cao Thị P tổng số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị P đối với số tiền 80.000.000 đồng.

- Về lãi suất: Do nguyên đơn bà Cao Thị P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.2] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Buộc bị đơn bà Lê Thị H phải hoàn trả cho bà Cao Thị P tổng số tiền 10.080.000 đồng (Mười triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Lê Thị H phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn bà Cao Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà P số tiền 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0014329 ngày 16/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Cao Thị P và bị đơn bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà P số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2019/00011609 ngày 30/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

Hoàn trả cho bị đơn bà Lê Thị H 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2019/00011611 ngày 30/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- CCTHADS huyện KB;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Bằng**